

Số: 49/TB-UBND

Vĩnh Định, ngày 14 tháng 4 năm 2026

### THÔNG BÁO

Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần 3: Giải phóng mặt bằng, tái định cư qua địa bàn xã Vĩnh Định thuộc dự án Quốc lộ 15D đoạn từ Cảng Mỹ Thủy đến cao tốc Cam Lộ - La Sơn (đợt 3)

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/1/2024;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Quốc lộ 15D đoạn từ Cảng Mỹ Thủy đến cao tốc Cam Lộ - La Sơn;

Căn cứ Quyết định số 2770/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt dự án thành phần 3: Giải phóng mặt bằng, tái định cư qua địa bàn xã Vĩnh Định thuộc dự án Quốc lộ 15D đoạn từ Cảng Mỹ Thủy đến cao tốc Cam Lộ - La Sơn;

Căn cứ Kế hoạch số 164/CN-GPMB ngày 26/11/2025 của Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực phía Nam về kế hoạch thu hồi đất để thực hiện dự án: Quốc lộ 15D đoạn từ Cảng Mỹ Thủy đến cao tốc Cam Lộ - La Sơn;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 52/TTr-PKT ngày 14/4/2026 và Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã.

Chủ tịch UBND xã Vĩnh Định ban hành thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần 3: Giải phóng mặt bằng, tái định cư qua địa bàn xã Vĩnh Định thuộc dự án Quốc lộ 15D đoạn từ Cảng Mỹ Thủy đến cao tốc Cam Lộ - La Sơn (đợt 3) như sau:

1. Lý do thu hồi đất: Để thực hiện dự án thành phần 3: Giải phóng mặt bằng, tái định cư qua địa bàn xã Vĩnh Định thuộc dự án Quốc lộ 15D đoạn từ Cảng Mỹ Thủy đến cao tốc Cam Lộ - La Sơn.

2. Diện tích, vị trí khu đất dự kiến thu hồi: **4.109,6 m<sup>2</sup>** (Bốn nghìn, một trăm linh chín phẩy sáu mét vuông). (Có danh sách kèm theo).

3. Tiến độ thu hồi đất: Theo tiến độ thực hiện Dự án.

4. Kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; kế hoạch bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Kể từ ngày có thông báo thu hồi đất và thực hiện theo Kế hoạch số 164/CN-GPMB ngày 26/11/2025 của Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực phía Nam.

5. Người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất có trách nhiệm phối hợp với Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực phía Nam trong quá trình điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

6. Dự kiến tái định cư: Không.

7. Giao các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện các nội dung sau:

7.1. Phòng Kinh tế có trách nhiệm tham mưu UBND xã Vĩnh Định triển khai các nhiệm vụ sau:

- Phối hợp với Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực phía Nam, các cơ quan có liên quan và người có đất thu hồi thực hiện việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi;

- Phối hợp với Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực phía Nam điều tra, xác định, thống kê đầy đủ các thiệt hại thực tế về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; thu nhập từ việc sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thu hồi, nguyện vọng tái định cư, chuyển đổi nghề;

Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) không phối hợp trong việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thì Phòng Kinh tế xã tham mưu Ủy ban nhân dân xã chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực phía Nam vận động, thuyết phục để tạo sự đồng thuận trong thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm. Việc tổ chức vận động, thuyết phục được tiến hành trong thời gian 15 ngày và phải được thể hiện bằng văn bản. Quá thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận động, thuyết phục mà người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) vẫn không phối hợp điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thì Nhà nước triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật.

7.2. Văn phòng HĐND&UBND xã Vĩnh Định có trách nhiệm tham mưu UBND xã Vĩnh Định triển khai các nhiệm vụ sau:

- Đăng Thông báo này trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của xã.

- Gửi thông báo thu hồi đất đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có), đồng thời niêm yết thông báo thu hồi đất và danh sách người có đất thu hồi tại trụ sở UBND xã Vĩnh Định và Nhà văn hóa thôn Kim Long trong suốt thời gian bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp không liên lạc được, không gửi được thông báo thu hồi đất cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) thì thông báo trên một trong các báo hàng ngày của Trung ương và cấp tỉnh trong 03 số liên tiếp và phát sóng trên đài phát thanh hoặc truyền hình của trung ương và cấp tỉnh 03 lần trong 03 ngày liên tiếp; niêm yết tại trụ sở UBND xã Vĩnh Định, Nhà văn hóa thôn Kim Long trong suốt thời gian bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà không phải gửi thông báo thu hồi đất lại;

8. Thông báo này có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ban hành.

Chủ tịch UBND xã Vĩnh Định thông báo để các cơ quan, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân liên quan được biết và thực hiện.

**\*Nơi nhận:**

- BCĐ GPMB xã (b/c);
- TT HĐND xã (b/c);
- CT, các PCT UBND xã;
- Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực phía Nam;
- Các phòng: Kinh tế, VH-XH;
- CVP, PCVP, CV;
- Thôn và HTX Kim Long;
- Các chủ sụng đất, chủ tài sản có liên quan;
- Lưu: VT.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Mạnh Hùng**

**DANH SÁCH THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT**

Dự án thành phần 3: Giải phóng mặt bằng, tái định cư qua địa bàn xã Vĩnh Định thuộc dự án Quốc lộ 15D đoạn từ Cảng Mỹ Thủy đến cao tốc Cam Lộ - La Sơn. Địa điểm: Xã Vĩnh Định, tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Thông báo số 49/TB-UBND ngày 14/4/2026 của UBND xã Vĩnh Định)

STT	Tên người sử dụng, quản lý đất	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Loại đất	Diện tích Hiện trạng (m2)	Diện tích đã thu hồi Đường tránh lũ, CHCN và PTKT, ĐBAN QP	Diện tích đã thông báo thu hồi (m2)	Diện tích dự kiến thu hồi bổ sung (m2)	Tổng diện tích dự kiến thu hồi theo điều chỉnh thiết kế (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Văn Anh	39	291	HNK	761,1	9,4	323,4	0,0	323,4	428,3	
2	Ông Nguyễn Văn Anh	39	292	HNK	588,6	40,4	357,5	0,0	357,5	190,7	
3	Ông Nguyễn Anh và bà Nguyễn Thị Gái	39	51-18	HNK	1.470,5	27,8	521,5	0,0	521,5	921,2	
4	Ông Nguyễn Văn Cư (Oanh)	39	284	HNK	673,7	16,2	255,6	0,0	255,6	401,9	
5	Hộ ông Nguyễn Việt Cư (đã chết) và bà Nguyễn Thị Lựu	99	1906	LUC	479,0	0,0	0,9	0,0	0,9	478,1	
6	Hộ ông Nguyễn Văn Cư (Hóa)	102	523	LUC	772,9	0,0	61,7	67,7	129,4	643,5	
7	Hộ ông Lê Văn Cư	99	1513	LUC	265,5	0,0	45,1	104,3	149,4	116,1	
8	Ông Nguyễn Đóa	39	293	HNK	539,4	19,1	274,7	0,0	274,7	245,6	
9	Hộ bà Nguyễn Thị Tâm (đã chết) đại diện em trai: Nguyễn Cường	100	293	LUC	1.333,3	109,3	197,0	0,0	197,0	1.027,0	
10	Hộ bà Nguyễn Thị Chanh	102	26	LUC	438,1	60,1	181,4	196,6	378,0	0,0	

11	Hộ bà Nguyễn Thị Chanh	102	58	LUC	438,6	1,3	128,4	308,9	437,3	0,0
12	Hộ bà Nguyễn Thị Chanh	102	117	LUC	750,6	0,0	30,8	10,1	40,9	709,7
13	Hộ ông Nguyễn Văn Châu và bà Nguyễn Thị Hà	102	684	LUC	148,7	52,5	96,2	0,0	96,2	0,0
14	Hộ ông Nguyễn Văn Châu và bà Nguyễn Thị Hà	102	705	LUC	300,1	0,0	164,7	0,0	164,7	135,4
15	Ông Nguyễn Thiện Chí	39	51-6	HNK	595,4	235,5	344,6	0,0	344,6	15,3
16	Ông Nguyễn Chính	39	230	HNK	969,4	0,0	329,2	0,0	329,2	640,2
17	Hộ ông Hồ Văn Chí và bà Nguyễn Thị Vui	102	685	LUC	485,6	67,7	334,9	0,0	334,9	83,0
18	Ông Nguyễn Hữu Chức	39	207	HNK	730,9	0,0	291,0	0,0	291,0	439,9
19	Hộ ông Lê Văn Chương và bà Nguyễn Thị Thùy	99	1500	LUC	123,3	0,0	51,1	72,2	123,3	0,0
20	Hộ ông Lê Văn Chương và bà Nguyễn Thị Thùy	99	1531	LUC	144,7	0,0	26,9	117,8	144,7	0,0
21	Hộ ông Lê Văn Chương và bà Nguyễn Thị Thùy	99	1550	LUC	164,6	0,0	16,0	148,6	164,6	0,0
22	Ông Nguyễn Diên	39	288	HNK	524,9	0,0	110,2	0,0	110,2	414,7
23	Ông Nguyễn Duật	89	265	HNK	317,2	29,4	287,8	0,0	287,8	0,0
24	Hộ ông Nguyễn Hữu Dũng và bà Nguyễn Thị Hạnh	100	259	LUC	1.537,5	293,7	232,0	0,0	232,0	1.011,8
25	Hộ ông Nguyễn Do và bà Dương Thị Xán ( đã chết)	100	131	LUC	241,1	46,5	126,1	4,8	130,9	63,7
26	Đồng sử dụng: Nguyễn Đông + Nguyễn Thị Lựu	100	139	LUC	302,9	58,1	142,0	5,0	147,0	97,8
27	Đồng sử dụng: Lê Quang Đồi + Lê Lăng+ Nguyễn Sâm	100	734	LUC	400,8	337,4	63,4	0,0	63,4	0,0
28	Đồng sử dụng: Nguyễn Thị Lệ + Nguyễn Chiến + Nguyễn Trung Hiếu	100	740	LUC	224,5	64,8	147,7	7,5	155,2	4,5
29	Hộ ông Dương Duyệt	102	892	LUC	661,3	250,0	411,3	0,0	411,3	0,0
30	Hộ ông Nguyễn Đông	102	1269	LUC	1.018,2	440,5	574,9	0,0	574,9	2,8

31	Hộ ông Nguyễn Đông	102	1272	LUC	871,5	376,0	372,8	1,5	374,3	121,2
32	Ông Nguyễn Đệ	39	271	HNK	571,1	13,4	267,5	0,0	267,5	290,2
33	Ông Nguyễn Dịch	39	243	HNK	135,2	3,9	131,3	0,0	131,3	0,0
34	Ông Nguyễn Duy Điền	39	196	HNK	215,5	0,0	215,5	0,0	215,5	0,0
35	Ông Nguyễn Duy Điền	39	236	HNK	892,1	0,0	341,6	0,0	341,6	550,5
36	Ông Nguyễn Điền	39	272	HNK	472,4	18,4	248,8	0,0	248,8	205,2
37	Hộ ông Nguyễn Đình và bà Nguyễn Thị Thân	100	757-2	LUC	433,6	424,1	9,5	0,0	9,5	0,0
38	Ông Nguyễn Đóa	89	266	HNK	610,7	7,8	288,5	0,0	288,5	314,4
39	Ông Nguyễn Đóa	89	272	HNK	550,7	16,9	253,9	0,0	253,9	279,9
40	Ông Nguyễn Đóa	89	278	HNK	572,6	18,4	271,2	0,0	271,2	283,0
41	Ông Nguyễn Thiện Đức	39	51-3	HNK	2.102,4	313,2	1.284,5	0,0	1.284,5	504,7
42	Ông Nguyễn Đức	99	1920	HNK	164,5	90,6	68,2	0,0	68,2	5,7
43	Ông Nguyễn Thanh Hải	39	51-12	HNK	563,0	24,0	291,7	0,0	291,7	247,3
44	Hộ ông Nguyễn Thanh Hải	102	335	LUC	768,9	0,0	41,3	3,6	44,9	724,0
45	Bà Nguyễn Thị Hậu	39	283	HNK	673,2	23,4	261,1	0,0	261,1	388,7
46	Ông Hồ Hiệp	39	287	HNK	226,7	30,8	195,9	0,0	195,9	0,0
47	Ông Nguyễn Trung Hiếu	89	175-1	HNK	214,9	38,3	176,6	0,0	176,6	0,0
48	Hộ ông Nguyễn Cân (đã chết), Đại diện con trai: Nguyễn Hồi	102	1302	LUC	1.563,3	101,1	572,3	0,0	572,3	889,9
49	Hộ ông Nguyễn Thanh Hùng và bà Nguyễn Thị Lanh	100	120	LUC	241,8	43,6	138,6	5,8	144,4	53,8
50	Hộ ông Nguyễn Phú và bà Nguyễn Thị Hương	102	149	LUC	890,5	433,0	187,3	167,2	354,5	103,0
51	Hộ ông Nguyễn Khanh và bà Nguyễn Thị Hà	100	232	LUC	1.465,5	415,3	264,2	4,5	268,7	781,5
52	Ông Nguyễn Khanh	39	279	HNK	550,2	15,5	234,8	0,0	234,8	299,9
53	Hộ ông Nguyễn Văn Khánh	100	357	LUC	319,0	216,6	102,4	0,0	102,4	0,0
54	Hộ ông Nguyễn Văn Khánh	100	362	LUC	300,7	0,0	5,6	0,0	5,6	295,1
55	Hộ ông Nguyễn Khánh và bà Lê Thị Thúy	102	285	LUC	785,1	181,8	603,3	0,0	603,3	0,0
56	Ông Lê Lăng	39	222	HNK	1.690,7	0,0	2,6	0,0	2,6	1.688,1

57	Ông Nguyễn Luân	39	231	HNK	1.091,9	0,0	69,9	0,0	69,9	1.022,0
58	Hộ bà Nguyễn Thị Lúy	102	729	LUC	1.394,7	112,1	555,8	0,0	555,8	726,8
59	Bà Hồ Thị Lý	89	286-1	HNK	1.061,0	7,9	243,8	0,0	243,8	809,3
60	Hộ ông Nguyễn Minh Lý và bà Nguyễn Thị Thuần Hòa	100	110	LUC	312,4	52,5	201,1	9,0	210,1	49,8
61	Ông Nguyễn Minh Lý	39	51-17	HNK	2.403,2	18,3	941,7	0,0	941,7	1.443,2
62	Hộ ông Nguyễn Hùng Mạnh và bà Nguyễn Thị Hoa	102	411	LUC	634,4	0,0	228,0	7,9	235,9	398,5
63	Hộ ông Nguyễn Hùng Mạnh và bà Nguyễn Thị Hoa	102	450	LUC	228,8	0,0	5,1	0,0	5,1	223,7
64	Hộ ông Nguyễn Thòi và bà Nguyễn Thị Chiến	100	315	LUC	861,0	0,0	102,1	0,0	102,1	758,9
65	Hộ ông Nguyễn Thòi và bà Nguyễn Thị Chiến	100	334	LUC	723,7	0,0	54,9	0,0	54,9	668,8
66	Ông Nguyễn Văn Minh và bà Trần Thị Na	39	244	HNK	989,4	9,4	384,3	0,0	384,3	595,7
67	Ông Nguyễn Hữu Minh	39	51-9	HNK	709,9	96,1	266,0	0,0	266,0	347,8
68	Ông Nguyễn Hữu Minh	89	175-2	HNK	120,3	33,3	87,0	0,0	87,0	0,0
69	Hộ ông Nguyễn Văn Minh và bà Trần Thị Na	102	350	LUC	1.220,4	211,4	897,3	8,1	905,4	103,6
70	Hộ ông Nguyễn Mùi và bà Nguyễn Thị Lý	102	818	LUC	653,6	0,0	314,8	-10,6	304,2	349,4
71	Hộ ông Nguyễn Thế Mỹ và bà Võ Thị Yên	102	234	LUC	2.030,3	35,7	228,2	170,9	399,1	1.595,5
72	Hộ ông Lê Mỹ và bà Nguyễn Thị Lệ	102	574	LUC	982,5	153,0	456,0	0,0	456,0	373,5
73	Hộ ông Lê Mỹ và bà Nguyễn Thị Lệ	102	1292	LUC	976,7	0,0	66,9	0,0	66,9	909,8
74	Hộ ông Nguyễn Phương Nam và bà Nguyễn Thị Thúy	99	1472	LUC	105,6	0,7	104,9	0,0	104,9	0,0
75	Hộ ông Nguyễn Phương Nam và bà Nguyễn Thị Thúy	99	1501	LUC	185,3	0,0	155,4	7,8	163,2	22,1

76	Hộ ông Lê Thành Nghĩa và bà Nguyễn Thị Lê	102	505	LUC	478,3	67,1	247,3	55,1	302,4	108,8
77	Hộ ông Lê Thành Nghĩa và bà Nguyễn Thị Lê	102	543	LUC	823,7	44,4	525,2	13,9	539,1	240,2
78	Ông Nguyễn Khắc Phi	39	51-7	HNK	153,3	95,9	57,4	0,0	57,4	0,0
79	Ông Nguyễn Khắc Phi	39	51-8	HNK	255,6	51,3	154,7	0,0	154,7	49,6
80	Hộ ông Nguyễn Văn Phiến và bà Trương Thị Huyền	100	209	LUC	1.245,1	329,3	315,4	7,7	323,1	592,7
81	Bà Nguyễn Thị Phụng	39	51-19	HNK	1.442,6	142,4	854,6	0,0	854,6	445,6
82	Ông Nguyễn Xuân Quả	39	206	HNK	558,6	10,5	373,7	0,0	373,7	174,4
83	Hộ ông Nguyễn Xuân Quả và bà Nguyễn Thị Thơm	102	1231	LUC	529,6	502,0	27,6	0,0	27,6	0,0
84	Hộ ông Nguyễn Xuân Quả và bà Nguyễn Thị Thơm	102	82	LUC	79,7	0,0	79,7	0,0	79,7	0,0
85	Hộ ông Nguyễn Xuân Quả và bà Nguyễn Thị Thơm	102	108	LUC	162,3	0,0	115,6	0,0	115,6	46,7
86	Hộ ông Trần Đức Minh	102	824	LUC	369,8	187,3	182,5	0,0	182,5	0,0
87	Hộ ông Trần Đức Minh và bà Nguyễn Thị Hồng	102	870	LUC	361,0	25,1	329,5	0,0	329,5	6,4
88	Hộ ông Trần Đức Minh và bà Nguyễn Thị Hồng	102	907	LUC	533,9	0,0	225,6	0,0	225,6	308,3
89	Hộ ông Nguyễn Quế và bà Nguyễn Thị Thi	99	1495	LUC	586,5	291,7	284,2	10,6	294,8	0,0
90	Hộ ông Nguyễn Quế và bà Nguyễn Thị Thi	99	1525	LUC	335,9	173,0	162,9	0,0	162,9	0,0
91	Hộ ông Nguyễn Quế và bà Nguyễn Thị Thi	99	1913	LUC	1.087,5	512,9	485,4	89,2	574,6	0,0
92	Hộ ông Nguyễn Quế và bà Nguyễn Thị Thi	99	1915	LUC	618,4	289,6	210,5	118,3	328,8	0,0
93	Hộ ông Nguyễn Hữu Quỳnh	102	573	LUC	213,8	171,9	41,9	0,0	41,9	0,0
94	Hộ ông Nguyễn Hữu Quỳnh	102	1285	LUC	765,8	228,1	472,7	0,0	472,7	65,0
95	Ông Nguyễn Tích	39	289	HNK	1.788,6	0,0	429,1	0,0	429,1	1.359,5

96	Hộ ông Nguyễn Sum và bà Nguyễn Thị Sen	100	(162+169)	LUC	430,3	99,9	166,9	5,0	171,9	158,5
97	Hộ ông Nguyễn Sum và bà Hồ Thị Bê	102	289	LUC	751,8	0,0	168,9	45,2	214,1	537,7
98	Hộ ông Lê Văn Sửu và bà Nguyễn Thị Huệ	100	748	LUC	163,0	36,8	57,4	1,7	59,1	67,1
99	Hộ ông Nguyễn Tam ( đã chết), Đại diện con gái: Nguyễn Thị Thí	100	348	LUC	362,0	65,7	111,0	0,0	111,0	185,3
100	Hộ ông Nguyễn Tam ( đã chết), Đại diện con gái: Nguyễn Thị Thí	100	349	LUC	897,1	4,0	78,4	0,0	78,4	814,7
101	Ông Nguyễn Đức Tân	89	60	HNK	1.038,6	26,8	491,4	0,0	491,4	520,4
102	Hộ ông Nguyễn Toàn và bà Nguyễn Thị Lon	102	212	LUC	1.298,8	653,4	520,0	48,4	568,4	77,0
103	Hộ ông Nguyễn Văn Tôn và bà Hoàng Thị Yên	102	956	LUC	1.721,7	362,5	1.101,9	159,9	1.261,8	97,4
104	Hộ bà Dương Thị Tư	102	810	LUC	352,0	0,0	2,7	70,7	73,4	278,6
105	Ông Nguyễn Thanh Tuấn	89	298-1	HNK	3.311,5	327,2	1.077,2	0,0	1.077,2	1.907,1
106	Hộ ông Lê Thái và bà Nguyễn Thị Há	102	597	LUC	555,2	0,0	3,8	0,0	3,8	551,4
107	Hộ ông Nguyễn Trí và bà Trần Thị Thí	100	744	LUC	237,3	47,3	97,9	3,2	101,1	88,9
108	Hộ ông Nguyễn Phiến và bà Nguyễn Thị Thúy	100	745	LUC	182,4	38,6	80,6	2,5	83,1	60,7
109	Ông Nguyễn Văn Sáu	39	51-15	HNK	1.504,5	15,2	667,6	0,0	667,6	821,7
110	Bà Nguyễn Thị Thu	39	51-11	HNK	612,9	19,1	295,4	0,0	295,4	298,4
111	Hộ ông Nguyễn Thuận và bà Võ Thị Lại	100	757-1	LUC	891,1	836,9	54,2	0,0	54,2	0,0
112	Hộ bà Nguyễn Thị Tuyền (đã chết) Đại diện con gái: Lê Thị Thủy	102	642	LUC	1.027,9	172,1	627,5	1,7	629,2	226,6
113	Hộ ông Nguyễn Đức Năm	100	191	LUC	151,5	33,9	49,0	1,4	50,4	67,2

114	Hộ ông Nguyễn Thuớc và bà Nguyễn Thị Lự	100	193	LUC	155,3	36,1	49,0	1,3	50,3	68,9
115	Ông Nguyễn Trí	39	126	HNK	1.007,5	20,8	623,9	0,0	623,9	362,8
116	Ông Nguyễn Trí	39	118	CLN	558,1	36,4	343,3	0,0	343,3	178,4
117	Hộ ông Nguyễn Giá (đã chết) và bà Nguyễn Thị Châu (đã chết) Đại diện con trai: Nguyễn Trí	100	68	LUC	190,7	83,7	107,0	0,0	107,0	0,0
118	Ông Nguyễn Trí	39	51-16	HNK	7.533,9	18,0	1.967,7	0,0	1.967,7	5.548,2
119	Ông Nguyễn Minh Trung	39	51-2	HNK	4.971,1	22,4	2.583,8	0,0	2.583,8	2.364,9
120	Hộ ông Võ Bín (đã chết), Đại diện con trai: Võ Trung	102	976	LUC	1.916,8	0,0	40,4	-2,5	37,9	1.878,9
121	Ông Nguyễn Truyền	39	217	HNK	638,2	33,5	577,3	0,0	577,3	27,4
122	Hộ ông Nguyễn Trí và bà Lê Thị Phụng	100	739	LUC	259,8	47,2	180,7	8,7	189,4	23,2
123	Hộ ông Nguyễn Xích và bà Nguyễn Thị Gái	100	765	LUC	1.196,6	379,6	183,2	0,0	183,2	633,8
124	Hộ bà Trần Thị Xuân	100	747	LUC	222,6	50,3	74,8	2,2	77,0	95,3
125	Đồng sử dụng: Hồ Thị Lý + Nguyễn Cư + Nguyễn Thành	100	57	LUC	178,5	105,3	73,2	0,0	73,2	0,0
126	Hộ ông Nguyễn Ý và bà Nguyễn Thị Gái	102	802	LUC	593,6	113,8	478,1	0,0	478,1	1,7
127	Hộ ông Nguyễn Ý và bà Nguyễn Thị Gái	102	845	LUC	407,6	0,0	252,8	-2,1	250,7	156,9
128	Hộ ông Nguyễn Ý và bà Nguyễn Thị Gái	102	885	LUC	375,5	0,0	38,2	0,0	38,2	337,3
129	Hộ ông Nguyễn Văn Tồn và bà Hoàng Thị Yên	102	1252	LUC	1.747,0	0,0	0,0	38,2	38,2	1.708,8
130	Hộ ông Nguyễn Trí và bà Trần Thị Thi	102	272	LUC	1.081,4	0,0	0,0	24,5	24,5	1.056,9
131	Hộ ông Nguyễn Đầu	102	308	LUC	760,9	0,0	0,0	43,4	43,4	717,5
132	Hộ ông Nguyễn Khái	102	59	LUC	1.148,6	0,0	0,0	297,6	297,6	851,0
133	Hộ ông Nguyễn Khái	102	103	LUC	1.164,8	0,0	0,0	197,6	197,6	967,2

134	Hộ ông Lê Văn Chương và bà Nguyễn Thị Thùy	99	1643	LUC	397,2	0,0	0,0	397,2	397,2	0,0
135	Hộ ông Lê Văn Chương và bà Nguyễn Thị Thùy	99	1597	LUC	560,3	0,0	0,0	560,3	560,3	0,0
136	Hộ ông Lê Văn Cứ	99	1633	LUC	526,4	0,0	0,0	103,5	103,5	422,9
137	Hộ ông Lê Văn Cứ	99	1598	LUC	395,6	0,0	0,0	64,3	64,3	331,3
138	Hộ ông Lê Văn Cứ	99	1651	LUC	596,0	0,0	0,0	71,6	71,6	524,4
139	Hộ ông Lê Văn Cứ	99	1566	LUC	184,2	0,0	0,0	46,0	46,0	138,2
140	Hộ ông Lê Văn Cứ	99	1561	LUC	196,7	0,0	0,0	48,9	48,9	147,8
141	Hộ ông Lê Văn Cứ	99	1532	LUC	216,4	0,0	0,0	115,6	115,6	100,8
142	Hộ ông Nguyễn Mão	102	323	LUC	384,4	0,0	0,0	14,6	14,6	369,8
143	Hộ ông Nguyễn Thám	102	150	LUC	2.097,7	0,0	0,0	8,9	8,9	2.088,8
144	Hộ ông Nguyễn Bá Tăng	102	825	LUC	289,7	0,0	0,0	10,3	10,3	279,4
145	Hộ ông Nguyễn Tâm	102	329	LUC	383,4	0,0	0,0	5,8	5,8	377,6
<b>Tổng cộng</b>					<b>112149,4</b>	<b>12505,2</b>	<b>37122,9</b>	<b>4109,6</b>	<b>41232,5</b>	<b>58411,7</b>

